TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 381/2024/HS-PT
Ngày: 24 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 261/2022/TLPT- HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Vũ Trần Đức D. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Bị cáo bị kháng nghị*:

Họ và tên: **Vũ Trần Đức D** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1974 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: 178/1, đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức P (đã chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1952; bị cáo có vợ Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1979 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005 nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến ngày 20/01/2021 được tại ngoại, đến ngày 22/8/2023 bị bắt tạm giam trong vụ án "Phát hành trái phép hóa đơn" theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 1296-04/LB-PC03-Đ9 ngày 26/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Trần Đức D theo Luật định:* Luật sư Vũ Thanh H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1979; trú tại: 1, đường C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Trú tại: 566, Đ, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Trú tại: H-Khu phố C, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Trú tại: Ấp 4, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
4. Ông Lê Chân H1, sinh năm 1993 (vắng mặt)
5. Bà Võ Thị P1, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn C, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước
6. Bà Vương Huyền T, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: B N, phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Ông Kiều Thế A1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Trú tại: 101/66/6 ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh
8. Ông Nguyễn Việt B1, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Trú tại: 124, T3, Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
9. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Trú tại: 1 khu phố T, phường A, T, Bình Dương

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Chi cục Hải quan C1, tỉnh Bình Phước
Đại diện theo ủy quyền:
- Ông Nguyễn Minh T2 – Phó Đội trưởng Đội tổng hợp (có mặt).
- Ông Nguyễn Phát Đ – Đội trưởng Đội Nghiệp vụ hải quan Đ1 (có mặt).

2. Đội kiểm soát phòng chống buôn lậu khu vực M-Cục điều tra chống buôn lậu
Địa chỉ: Số A T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Nam P2 – Phó Đội trưởng (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trần Đức D là chủ sở hữu, trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gồm: Công ty TNHH Đ2, công ty cổ phần Đ3, Công ty TNHH G, Công ty TNHH S nhưng D không đứng tên làm Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật mà nhờ người thân hoặc thuê người khác đứng tên. Khoảng tháng 6 năm 2017 Vũ Trần Đức D thỏa thuận mua lại phần vốn góp trong Công ty TNHH T4 (viết tắt là công ty T4) của ông Nguyễn Việt B1 và Hồ Nhuận Đăng Q rồi nhờ em gái D là Vũ Trần Hương T3 đứng tên làm Giám đốc và làm thủ tục thay đổi kinh doanh lần thứ 7 trong đó chuyển đổi từ Công ty

TNHH B3 thành viên sang Công ty TNHH một thành viên [Bút lục 40-41, 87-103, 1249, 1268]. Trong thời gian này D được ông Naneet M1 (tự giới thiệu là người Ấn Độ, không rõ lai lịch) cho biết là có thể làm môi giới mua hạt điều nước ngoài nhập khẩu về Việt Nam. D tìm hiểu và biết loại hình nhập khẩu hạt điều nguyên liệu về sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu (5%) nên D nảy sinh ý định sử dụng pháp nhân công ty T4 để nhập khẩu hạt điều nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu. Để đảm bảo điều kiện về thực hiện loại hình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu theo quy định, D đã chỉ đạo T3 ký thủ tục đăng ký thay đổi tăng vốn điều lệ công ty T4 từ 4,9 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng và được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 07/11/2016; hợp đồng số 05 ngày 10/7/2017 để thuê kho lưu trữ, sản xuất xuất khẩu với bà Nguyễn Thị M - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần H3 tại ấp D xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; thủ tục đăng ký hoạt động Chi nhánh và được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu số 310645960-001 ngày 11/7/2017; thủ tục đăng ký cơ sở sản xuất xuất khẩu với Hải Quan C và được Chi cục C1 kết luận "có cơ sở sản xuất, dây chuyền, thiết bị phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu" tại kết luận số 1056/KL-CT ngày 19/7/2017.

Sau đó, thông qua Naneet M1, D trực tiếp trao đổi với Công ty K, Địa chỉ: 101 CECIL STREET, 11-01 TONG ENG BUILDING, SINGAPORE (gọi tắt là Công ty K) để mua hạt điều sản xuất xuất khẩu. Sau khi thống nhất số lượng, giá cả thì D cung cấp địa chỉ email của công ty là hongngan@anvinhtuong.comđể Công ty K chuyển nội dung hợp đồng. Tiếp đó, D chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng N là nhân viên Công ty G phụ trách mảng xuất nhập khẩu in hợp đồng và đưa cho Vũ Trần Hương T3 ký tên, đóng dấu và chụp ảnh hợp đồng gửi qua email để công ty K xác nhận. Sau khi chuyển tiền thanh toán và nhận được hồ sơ hàng hóa, D chỉ đạo N liên hệ người làm dịch vụ Hải Quan (không rõ lai lịch) để mở tờ khai Hải quan và chỉ đạo T3 ký mở 02 tờ khai Hải Quan nhập khẩu số 101515645934 và 101515645564 cùng ngày 19/7/2017 với tổng số lượng hạt điều nhập khẩu là: 344.271 kg, trị giá: 15.629.903.400 đồng rồi chỉ đạo N thuê xe vận chuyển đưa về cơ sở sản xuất tại ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước lưu trữ.

Đến tháng 8/2017, D tiếp tục thỏa thuận với Công Ty K mua tiếp hạt điều nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu. Thời điểm này do Vũ Trần Hương T3 đi học ở nước ngoài nên D yêu cầu T3 sang tên Công ty T4 cho Trần Tuấn A (kế toán trưởng của Công ty T4) đứng tên là người đại diện theo pháp luật của Công ty và đến ngày 17/8/2017 Sở Kế hoạch đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9. Tuy nhiên lúc này đang đợi Sở kế hoạch đầu tư cấp giấy chứng nhận thay đổi người đại diện nên D chỉ đạo T3 tiếp tục ký mở tờ khai Hải quan số: 101567464721 ngày 21/8/2017, nhập khẩu 215.620 kg hạt điều, trị giá: 9.784.835.600 đồng và vận chuyển đưa về cơ sở sản xuất tại ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước lưu trữ.

Sau khi hạt điều được đưa về kho H, D không tổ chức sản xuất xuất khẩu như đã đăng ký, không kê khai hải quan để chuyển đổi mục đích hàng nhập khẩu mà nhờ bà Nguyễn Thị M tìm người mua rồi bán toàn bộ số hạt điều nói trên. Sau đó bà M đã bán cho nhiều người (không rõ lai lịch) tổng 559.891 kg hạt điều được tổng số tiền 2.200.000.000 đồng và giao lại cho D.

Đến tháng giữa tháng 9/2017 D tiếp tục thỏa thuận với Công ty K mua tiếp hạt điều nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu và giao cho Nguyễn Thị Hồng N hoàn tất hợp đồng mua bán với Công ty K, đồng thời chỉ đạo Trần Tuấn A ký hợp đồng mua bán, ký mở 02 tờ khai Hải quan số: 101621777503 và 101621791943 cùng ngày 25/9/2017 để nhập khẩu 360.540 kg hạt điều, trị giá: 16.361.305.200 đồng và chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng N liên hệ thuê kho I - Đồng Nai và chỉ đạo Tuấn A ký hợp đồng thuê kho nội địa số 23/2017/HĐ-LBL ngày 23/10/2017 với Công ty I1 nhập kho để lưu trữ số hàng này. Đồng thời D nhờ NaneetMantri và Rô H2 (không rõ lai lịch) bán số hạt điều này vào nội địa. Trong đó, D chỉ đạo Nguyễn Thị Hồng N liên hệ với anh Lê Chân H1 – Đại điện công ty TNHH N1 để lấy thông tin làm hợp đồng và chỉ đạo Trần Tuấn A ký hợp đồng số 171017S-ĐT/NHC ngày 17/10/2017 để bán cho Công ty TNHH N1 180 tấn hạt điều với giá 8.370.000.000 đồng. Tuy nhiên thực tế khi cân hàng, hai bên giao nhận 169.976.34kg hạt điều và công ty N1 thanh toán tổng số tiền 7.903.900.000 vào tài khoản số 6421201133888 của công ty T4. Đối với số hạt điều còn lại (183.830 kg) nhập khẩu theo tờ khai Hải quan số 101621777503. D đã nhờ Rô H2 bán lẻ cho nhiều người không rõ lai lịch nhưng không làm hợp đồng mua bán và không xuất hóa đơn bán hàng.

Đến tháng 5/2018 Trần Tuấn A xin nghỉ việc nên Vũ Trần Đức D nhờ em họ là Nguyễn Trung T1 đứng tên làm Giám đốc đại diện công ty T4 thay cho Tuấn A và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10. Do không thực hiện việc sản xuất xuất khẩu theo loại hình đã đăng ký, nên ngày 03/4/2019 Chi cục Hải quan C1 đã phối hợp chính quyền xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước kiểm tra cơ sở xản xuất của Công ty T4 tại kho số 2, số C, Cụm C tại ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, kết quả xác định kho hàng số 2 trống, không hoạt động sản xuất và trữ hàng; kho hàng số 3 không có hoạt động chứa nguyên liệu và sản xuất hạt điều mà chỉ tồn tại hoạt động sản xuất dầu của doanh nghiệp khác. Đồng thời Chi cục Hải quan C1 đã chuyển vụ việc cho Cục điều tra Chống Buôn lậu - T5 để xác minh làm rõ. Ngày 02/3/2020, Cục điều tra Chống Buôn lậu - T5 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Buôn lậu, đến ngày 06/3/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh B điều tra theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 06/CTr-VKS-P1 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Vũ Trần Đức D về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Vũ Trần Đức D phạm tội "Trốn Thuế".

2. *Về áp dụng điều luật và hình phạt*: Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Trần Đức D 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

3. *Về xử lý vật chứng vụ án:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên: Nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.088.803.000 đồng (trong đó: 300.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi Cục hải quan huyện C1 vào các ngày 19/8/2019 và ngày 25/12/2020 và số tiền 1.788.803.000 đồng quá trình điều tra, truy tố bị cáo D và vợ bị cáo là bà Trần Thị Ngọc B nộp để khắc phục hậu quả đã được chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước theo phiếu ủy nhiệm chi ngày 20/4/2020). Bị cáo đã khắc phục xong.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có Quyết định số 02/QĐ-VKSBP-P1 kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng: tuyên bố bị cáo D phạm tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự, áp dụng tình tiết tăng nặng "phạm tội 2 lần trở lên", áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo và truy thu số tiền 15.103.900.000 đồng bị cáo có được từ việc phạm tội (được khấu trừ số tiền 2.088.803.000 đồng đã nộp lại) để nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Trần Đức D thừa nhận hành vi phạm tội trốn thuế như bản án sơ thẩm đã nêu, không đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì bị cáo có nhập khẩu, có khai báo hải quan đầy đủ, hải quan cũng đã tạm tính tiền thuế trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi mục đích nhập khẩu, bị cáo chỉ vi phạm nghĩa vụ khai báo lại với hải quan khi chuyển tiêu thụ trong nước.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Vũ Thanh H phát biểu ý kiến: Bị cáo khi nhập khẩu hạt điều có làm thủ tục khai báo hải quan, có đưa về kho sản xuất xuất khẩu, có chuẩn bị kho bãi, có sản xuất nhưng do lần đầu tiên mua bán hạt điều nên bị cáo chủ quan dẫn đến hạt điều bị hư, bị cáo phải khắc phục bằng cách bán tiêu thụ nội địa để tránh bị lỗ nặng. Lẽ ra, bị cáo phải khai báo lại với hải quan để tiêu thụ nội địa, trong đó có thể phải nộp thuế nhập khẩu nhưng bị cáo bỏ qua bước này, là hành vi trốn thuế chứ không phải buôn lậu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội "Trốn thuế" có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ngọc B2 đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì nếu hành vi của bị cáo là buôn lậu thì bị cáo phải có lời, nhưng thực tế bị cáo tiêu thụ nội địa bị lỗ hơn 20 tỷ nên không thể là buôn lậu.

Người tham gia tố tụng khác là Chi cục Hải quan C1, tỉnh Bình Phước (có ông Nguyễn Minh T2 và ông Nguyễn Phát Đ đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tội danh, bị cáo nhập khẩu tổng số 920,431 tấn hạt điều chưa bóc vỏ theo loại hình nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu nhưng sau đó đã lén bán số hạt điều được nhập khẩu ra thị trường nội địa mà không thực hiện các thủ tục khai báo hải quan để thay đổi mục đích nhập khẩu, vi phạm trình tự, thủ tục hải quan, xâm phạm chế độ quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của Nhà nước. Hành vi của bị cáo không liên quan đến cơ quan thuế; không phải là hàng hóa đang được phép lưu thông ở thị trường nội địa; chưa phát sinh phải kê khai thuế với cơ quan thuế; hàng hóa đang chịu sự giám sát của hải quan, chưa kiểm định về an toàn vệ sinh thực phẩm, nên không phải là hành vi trốn thuế mà là hành vi "Buôn lậu" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Trốn thuế" là chưa đúng. Tuy nhiên, do tội "Buôn lậu" nặng hơn tội "Trốn thuế" nên để đảm bảo quyền kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Trần Đức D đã thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã mô tả. Lời khai nhận này phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Vũ Trần Đức D là chủ sở hữu, trực tiếp chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty TNHH T4. Từ ngày 19/7/2017 đến 25/9/2017, D đã chỉ đạo Vũ Trần Hương T3, Trần Tuấn A là những người được D nhờ đứng tên giám

đốc của công ty ký mở 05 tờ khai hải quan số 101515645934, 101515645564, 101567464721, 101621777503 và 101621791943 tại Chi Cục hải quan C1 – Cục hải quan tỉnh B để nhập khẩu theo loại hình nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu, tổng số 920,431 tấn hạt điều chưa bóc vỏ của công ty K, trị giá 41.776.044.200đ, được miễn thuế nhập khẩu 5%.

[2.2] Bị cáo biết rõ là trong trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá nhập khẩu phải tiến hành thủ tục khai báo hải quan lại để hợp pháp hoá mục đích sử dụng mới. Tuy nhiên, sau khi nhập khẩu, bị cáo không tổ chức sản xuất để xuất khẩu, không kê khai tờ khai hải quan để chuyển đổi loại hình nhập khẩu theo quy định của pháp luật mà tự ý đem tiêu thụ nội địa toàn bộ số lượng hạt điều trên, và thu về từ việc bán số hạt điều này tổng số tiền là 15.103.900.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/11/2021 và ngày 28/3/2022, bị cáo thừa nhận mục đích nhập số hạt điều nêu trên là để kinh doanh bán trong nước cho các nhà máy sản xuất hạt điều. Như vậy, hành vi của bị cáo D đã trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý ngoại thương (xuất nhập khẩu) của Nhà nước.

[2.4] Với các hành vi nêu trên, có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn lậu" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 153 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, khoản 4 Điều 153 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có khung hình phạt nặng hơn khung hình phạt tương ứng tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý đối với hành vi của bị cáo.

[2.5] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo phạm tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, thủ tục kê khai hải quan khi nhập khẩu của bị cáo là đúng quy định pháp luật. Sau khi nhập khẩu, số hạt điều trên vẫn đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hải quan, cơ quan thuế chưa quản lý. Nếu muốn thay đổi mục đích nhập khẩu để bán ra tiêu thụ tại thị trường nội địa thì phải tiến hành thủ tục khai báo hải quan để hợp pháp hóa mục đích sử dụng. Tuy nhiên, sau khi nhập khẩu, bị cáo không tổ chức sản xuất để xuất khẩu mà lén bán tiêu thụ trong thị trường nội địa toàn bộ số lượng hàng hóa, không kê khai với cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng.

Mặt khác, khách thể của tội "Trốn thuế" là ngân sách nhà nước bị thiệt hại do không thu được thuế, còn khách thể của tội "Buôn lậu" là xâm phạm trật tự quản lý việc xuất, nhập khẩu. Trong trường hợp này, hàng hóa vẫn đang chịu sự giám sát của hải quan, cơ quan quản lý thuế chưa quản lý. Bị cáo không tiến hành sản xuất để xuất khẩu theo quy định mà tự ý chuyển tiêu thụ nội địa, không thực hiện các thủ tục khai báo hải quan, vi phạm trình tự, thủ tục hải quan, xâm

phạm đến chế độ quản lý xuất nhập khẩu, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T6. Do đó, hành vi của bị cáo không cấu thành tội "Trốn thuế" mà cấu thành tội "Buôn lậu". Kháng nghị về tội danh đối với bị cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ chấp nhận.

[3] Do thay đổi tội danh nên cần phải xem xét quyết định hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.1] Tình tiết tăng nặng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận đã 03 lần lén bán số hạt điều nêu trên ra thị trường nội địa, mỗi lần bán đều thu được số tiền trên 2 tỷ đồng. Do đó, bị cáo có tình tiết tăng nặng "phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào là không đúng.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.3] Tuy nhiên, hành vi của bị cáo D là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của các cơ quan chức năng, vi phạm các quy định của pháp luật về buôn bán hàng hóa qua biên giới, ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý ngoại thương của nhà nước; vì vậy phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.4] Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo khai nhận việc bán số hạt điều nêu trên đa phần không xuất hóa đơn và xác định tổng số tiền thu được từ việc 03 lần bán số hạt điều này là 15.103.900.000 đồng. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần chấp nhận lời khai của bị cáo, xác định số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 15.103.900.000 đồng nên phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự nhưng được cấn trừ số tiền 2.088.803.000 đồng bị cáo đã nộp ở cấp sơ thẩm. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 2.088.803.000 đồng nêu trên là số tiền thất thu thuế và là vật chứng của vụ án nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này là chưa đúng. Phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ kháng nghị của Viện trưởng

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước nhưng đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Xét thấy, tại Cáo trạng số 06/CTr-VKS-P1 ngày 12 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Vũ Trần Đức D về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử bị cáo về tội danh theo Cáo trạng truy tố nhưng tuyên xử bị cáo phạm tội "Trốn thuế" là do sai lầm trong việc áp dụng pháp luật và đánh giá chứng cứ. Tuy nhiên, hành vi buôn lậu của bị cáo vẫn được đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên không thuộc trường hủy án để xét xử lại mà cần phải sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về tội danh, hình phạt và xử lý vật chứng đối với bị cáo Vũ Trần Đức D. Lập luận này cũng là căn cứ để không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

[1] Tuyên bố bị cáo Vũ Trần Đức D phạm tội "Buôn lậu".

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Trần Đức D 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam trong vụ án này từ ngày 23/12/2020 đến ngày 20/01/2021.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo được miễn.

[3] Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo Vũ Trần Đức D nộp lại số tiền 15.103.900.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước (được khấu trừ số tiền 2.088.803.000 đồng đã nộp

(trong đó: 300.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi Cục hải quan huyện C1 vào các ngày 19/8/2019 và ngày 25/12/2020; và số tiền 1.788.803.000 đồng bị cáo D và vợ bị cáo là bà Trần Thị Ngọc B nộp vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước theo phiếu ủy nhiệm chi ngày 20/4/2020).

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Phước; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THA DS tỉnh Bình Phước; (1)
- Bị cáo; (1)
- NCQLNVLQ (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 18b. (PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình